SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL



Medium

VALLIS S3S

Giày an toàn thấp **khu** vự ớ c **gót chân** phản chiếu **và** đế **ngoài không đánh** dấ

Sa giày an toàn VALLIS là kh ả năng ở ư ớ ợ SR, đặc tính ch ố n g tĩnh điệ n , phần thân trên ch ố n g nư ớc , phần gót phản qu ả ng ch ố n g đ ể đ ợ c nhiều l ần và bảo v ệ kh ỏi các vật r ớ

Những vật liệu cao cấp hơn	da hành động nubuck
ót bên trong	i tái chế lưới
rong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa đế g	ệt chống thủ ng
ngoài Đ	PU / PU
u Đứng đầ	ồng hợp t
i Loạ	S3S / SR, SC, LG, FO, CI, ESD
Phạm vi kích thước	EU 36-47 / UK 3.5-12.0 / US 4.0-13.0 JPN 22.5-31 / KOR 235-310
ng lượng thép	0.636 kg
ẩn hiệu chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022

CO₂ 11.77 kg



049

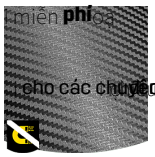
CE · ESD · WPA · 3FIT SYSTEM · NESKRID



S3
Giày bảo hộ lao động S3 thích hợp làm việc trong môi trường có nhiều nguy cơ chấn thương. Những đôi giày này cũng bảo vệ gót chân và nghiền nát bàn chân.



SRC
Đ những tính năng giày an toàn và giày bảo hộ lao động vượt qua cả bài SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.



Kim |
Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuyên gia giày.



đế **ngoài không đánh** dấ
ế ngoài không đánh trên mặt đất



Mặt **trên** chống nước **(WRU)**
Ngăn không tiếp xúc lâu dài



chống **tĩnh** điện
Giày chống tĩnh điện ngăn chặn a điện tích tụ phá ảm bảo rằng chúng r ợt cách hiệu r ở n 100 kOhm và 1 GigaOhm

Công nghiệp n:

lĩnh vự c ô tô, Hoá h oạch o , Xây dự cần g Khai thác m ỏ , Dầu khi, Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t

rư ờn g môi khô, b ề mặt không bằn g phẳn g, môi ẩm ư ớt

Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằn phẩ cáp hà nhiệ Không trên lò s

K

	Sự miêu t ả	EN ISO 20345	ết ả	đơn vị u	đo lư ờn g q
Nhữ n g vật l iệu da hành độ n g nubuck cao cấp h ơn					
	Top: khả năng thấm hút ẩm ướt	? 0.8	2.4		mg/cm/giờ
	Top: hi nuệ số ẩm ướt	? 15	25.9		mg/cm2
ót bên trong	i tái ch ế				
	L ớp lót: thấm hút ẩm ướt	? 2	86.31		mg/cm/giờ
	lót: hi nuệ số ẩm ướt	? 20	691		mg/cm2
rong Đ ệ m chân SJ làm t ừ mút tái ch ế (96% vật l iệu tái ch ế)					
	ệ m chân: Đ ch ố n g mài mòn (khô/ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800		chu kỳ
goài Đ	PU / PU				
	Ch ố n g trượt: mài mòn (đế ngoài (	? 150	33		mm
	Chư ố ợt trc gỗ bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31	0.41		ma sát
	rư Cột cố ợt bảng G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36	0.38		ma sát
	rư Cột SR n G ế t m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19	0.32		ma sát
	Chư ố ợt SR g G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.22	0.26		ma sát
	ri ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	26.5		megaohm
	ri ESD Giá t	0.1 - 100	48		megaohm
	Hấp thụ năng l ượ gót chân củ	? 20	30		J
Đ ướ n g đầ ợp					
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A		mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	17.5		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	24.0		mm

kích thước thép: 41

a chúng tôi. Không có phần nào trong tài liệu này được sao chép hoặc sử dụng dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

Đ

	Sự miêu t ả	ết ả	đơn vị u	đo lư ờn g q
i CO phát thả				
	V ật l iệu		9.50	kg
	Bao bì		0.12	kg
	ất Sản x u		1.90	kg
	Chuyên ch ở		0.26	kg
			11.77 kg CO2/ cặp	

	Sự miêu t ả	ết ả	K u	q
ệ vật l Tiệ tái ch ế				
	Product		7%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
Các giá trị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] giày đối.